

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TY
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2018

V/v: Ly hôn giữa chị M và Anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY.

- Đại diện VKSND huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐST-DS ngày 30/8/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Giáp Thị M, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn C, xã TT, huyện TY, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: anh Đặng Văn L, sinh năm 1974; nơi cư trú: phố TQ, thị trấn N, huyện TY, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07/6/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Giáp Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Đặng Văn L ngày 29 tháng 12 năm 2015, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và Anh L về chung sống với nhau ngay. Buổi đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, Anh L không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng Anh L không nghe. Anh L nhiều lần đánh chửi chị vô cớ. Tháng 5/2018, do vợ chồng

mâu thuẫn trầm trọng nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn C, xã TT, huyện TY, tỉnh Bắc Giang sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh L.

Về con chung: trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung là: Đặng Bảo A, sinh ngày 15/9/2016, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu Anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2018, bị đơn là anh Đặng Văn L trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị M về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau và không thông cảm công việc của nhau. Tháng 5/2018, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị M sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị M nhất quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung là: Đặng Bảo A, sinh ngày 15/9/2016, hiện đang do chị M nuôi dưỡng. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đặng Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị M được ly hôn anh Đặng Văn L.

Về con chung: Giao cho chị M nuôi con Đặng Bảo A, sinh ngày 15/9/2016. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh Luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đặng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị M kết hôn với anh Đặng Văn L ngày 29/12/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị M và Anh L về chung sống với nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị M và Anh L có xảy ra đánh cãi chửi nhau. Tháng 5/2018, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị M phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với Anh L. Anh L cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 và đồng ý ly hôn với chị M. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án thì chính quyền địa phương xác định vợ chồng chị M và Anh L có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Xét thấy, cuộc sống chung của chị M, Anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị M được ly hôn với Anh L là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị M, Anh L có 01 con chung là: Đặng Bảo A, sinh ngày 15/9/2016 hiện chị M đang nuôi con. Nay chị M và Anh L đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, chị M và Anh L đều có đủ điều kiện nuôi con tuy nhiên kể từ khi ly thân đến nay, chị M là người trực tiếp nuôi con và con chung phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Đồng thời, hiện cháu A dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con khi giải quyết ly hôn cần giao cho chị M tiếp tục nuôi cháu Đặng Bảo A là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp ruộng canh tác: chị M và Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giáp Thị M và anh Đặng Văn L.
2. Về con chung: Giao con chung Đặng Bảo A, sinh ngày 15/9/2016 cho chị Giáp Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn Anh L có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Giáp Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002030 ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS TY;
- UBND thị trấn N;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy